

Số: 76 /TTr-UBND

Cà Mau, ngày 19 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Thông qua dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ và đóng góp
đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Công văn số 92/HĐND-TT ngày 23/04/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thống nhất xây dựng Nghị quyết quy định mức đóng góp và chế độ hỗ trợ chi phí đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Hiện nay, đối tượng nghiện ma túy đang ngày càng trẻ hóa, số lượng người nghiện ma túy được phát hiện và bị đưa đi cơ sở cai nghiện ma túy đang tăng rất nhanh, từ đó phát sinh các loại tệ nạn xã hội khác gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến đời sống vật chất và tinh thần cho bản thân người nghiện, cho gia đình và xã hội. Công tác cai nghiện ma túy bắt buộc là một giải pháp cho vấn đề này. Tuy nhiên, chi phí cho công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc rất tốn kém, như vậy nếu người nghiện ma túy tự nguyện đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập đã tiết kiệm cho Nhà nước được khoảng chi phí này. Ngoài ra, việc tự nguyện đi cai nghiện cũng làm giảm tình trạng sử dụng ma túy trái phép, giảm tình trạng tội phạm, tăng cường sức khỏe cho người nghiện, giúp người nghiện có kiến thức về các bệnh truyền nhiễm, người nghiện được phục hồi hành vi, nhân cách và có niềm tin vào cuộc sống.

Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện được quy định tại Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/05/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh, theo đó quy định

thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện tối thiểu là 06 tháng. Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tự nguyện theo quy định của Thông tư 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện, dự kiến một người cai nghiện ma túy tự nguyện trong thời gian 06 tháng, chi phí hỗ trợ khoảng 8.500.000 đồng đến 9.000.000 đồng/người (một tháng khoảng 1.500.000 đồng/người/tháng) tùy thuộc vào thể trạng của từng đối tượng nghiện, mức độ nghiện nặng, nhẹ khác nhau mà có chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện và điều trị theo phác đồ khác nhau. Hiện Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau đang quản lý 28 đối tượng cai nghiện tự nguyện, như vậy ước tính ngân sách nhà nước hỗ trợ tương ứng cho 28 đối tượng này khoảng 42.000.000 đồng/tháng và 06 tháng ước khoảng 252.000.000 đồng.

Trên địa bàn tỉnh hiện đang quản lý 1334 hồ sơ người nghiện, tại Cơ sở cai nghiện ma túy là 560 người (trong đó tự nguyện là 28 người), khả năng trong thời gian tới Cơ sở cai nghiện ma túy sẽ trong tình trạng quá tải học viên, vì vậy ngân sách nhà nước sẽ phải chi rất nhiều cho Cơ sở cai nghiện ma túy để đầu tư, nâng cấp, mở rộng cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn lực. Với mong muốn làm giảm đối tượng nghiện trên địa bàn, tăng trách nhiệm của gia đình và cộng đồng đối với người nghiện; góp phần làm giảm đối tượng cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy, tránh tình trạng đưa người nghiện về cơ sở cai nghiện ma túy, gây quá tải cho Cơ sở cai nghiện ma túy thì việc thực hiện chính sách hỗ trợ và mở rộng đối tượng cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng là phù hợp.

Cùng với đó, hiện nay trên địa bàn tỉnh Cà Mau người nghiện ma túy thuộc hộ cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tham gia cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy được hỗ trợ 100% kinh phí trong quá trình điều trị nghiện thực hiện theo Quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức đóng góp, chế độ miễn, giảm chi phí đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, khi Thông tư 124/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành đã bãi bỏ phần căn cứ để ban hành Quyết định 06/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời, Thông tư số 124/2018/TT-BTC quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng rộng hơn phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND và giao thẩm quyền ban hành cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

Do vậy, để tiếp tục thực hiện chế độ hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau, góp phần nâng cao vai trò và trách nhiệm của gia đình người nghiện ma túy, đồng thời thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3; điểm a, khoản 3, Điều 4; khoản 2, Điều 7 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện, theo đó giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định một số nội dung sau: Quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy) tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma

túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định; căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương xem xét, quyết định mức hỗ trợ cao hơn đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng.

Do đó, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

- Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau, tại gia đình và cộng đồng.

- Thực hiện có hiệu quả công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh, góp phần làm giảm tội phạm, ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với văn bản cấp trên và tình hình thực tế của địa phương.

III QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất xây dựng Nghị quyết quy định mức đóng góp và chế độ hỗ trợ chi phí đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu xây dựng dự thảo nghị quyết, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; tổng hợp ý kiến, hoàn chỉnh dự thảo gửi thẩm định; cơ quan soạn thảo tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo sau khi thẩm định; thông qua thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Đến nay, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau đã hoàn chỉnh và đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nghị quyết gồm có 06 Điều.

2. Nội dung cơ bản

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

- Điều 2: Đối tượng áp dụng.

- Điều 3: Mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

- Điều 4: Mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng.

- Điều 5: Nguồn kinh phí.

- Điều 6: Tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị.

Hồ sơ gửi kèm theo: (1) dự thảo nghị quyết; (2) bản thuyết minh nội dung chi; (3) báo cáo thẩm định; (4) báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định; (5) bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở: LĐ-TB&XH, Tư pháp (VIC);
- LĐVP UBND tỉnh (VIC);
- KGVX (Đ), TH (VIC);
- Lưu: VT, Đ14.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Quân
Trần Hồng Quân

Số: /2019/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO
Lần 6

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ và đóng góp đối với người
cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp
dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy
bắt buộc tại cộng đồng;*

*Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với
người cai nghiện ma túy tự nguyện;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ...tháng...năm 2019 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Cà Mau về việc thông qua dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ và đóng
góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo
thẩm tra số /BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại
kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí Nhà nước để thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ trên cơ sở định mức áp dụng đối với người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

a) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần được hỗ trợ 100% định mức;

b) Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) chi điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường được hỗ trợ 100% định mức;

c) Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân được hỗ trợ 100% định mức;

d) Chỗ ở được hỗ trợ 100% định mức.

2. Đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện thuộc diện gia đình đơn thân có cha hoặc mẹ từ 60 tuổi trở lên được hỗ trợ trên cơ sở định mức áp dụng đối với người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

a) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần được hỗ trợ 100% định mức;

b) Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) chi điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường được hỗ trợ 95% định mức, phần còn lại 5% định mức do gia đình, cá nhân người cai nghiện đóng góp;

c) Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân được hỗ trợ 95% định mức, phần còn lại 5% định mức do gia đình, cá nhân người cai nghiện đóng góp;

d) Chỗ ở được hỗ trợ 100% định mức.

3. Các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này được hỗ trợ trên cơ sở định mức áp dụng đối với người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

a) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần được hỗ trợ 100% định mức;

b) Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) chi điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường được hỗ trợ 70% định mức, phần còn lại 30% định mức do gia đình, cá nhân người cai nghiện đóng góp;

c) Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân được hỗ trợ 70% định mức, phần còn lại 30% định mức do gia đình, cá nhân người cai nghiện đóng góp;

d) Chỗ ở được hỗ trợ 100% định mức.

4. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng được hỗ trợ tiền ăn trong thời gian cắt cơn, giải độc tập trung tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập: 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa là 15 ngày.

Điều 4. Mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng

1. Đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ trên cơ sở định mức áp dụng đối với người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

a) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần được hỗ trợ 100% định mức;

b) Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) được hỗ trợ 100% định mức;

2. Đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện thuộc diện, gia đình đơn thân có cha hoặc mẹ từ 60 tuổi trở lên được hỗ trợ trên cơ sở định mức áp dụng đối với người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

a) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần được hỗ trợ 100% định mức;

b) Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) được hỗ trợ 95% định mức, phần còn lại 5% định mức do gia đình, cá nhân người cai nghiện đóng góp.

3. Các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện ngoài quy định tại khoản 2, khoản 3 điều này được hỗ trợ trên cơ sở định mức áp dụng đối với người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

a) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần được hỗ trợ 100% định mức;

b) Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) được hỗ trợ 80% định mức, phần còn lại 20% định mức do gia đình, cá nhân người cai nghiện đóng góp.

Điều 5. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ, do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán ngân sách hàng năm của các địa phương, đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa IX, kỳ họp thứ Chín thông qua ngày ... tháng ... năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội;
- VP Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KT văn bản QPPL);
- Bộ Tài chính, Bộ LĐ-TB&XH;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Đ14_1.

CHỦ TỊCH

THUYẾT MINH NỘI DUNG CHI

Nội dung chi	Người cai nghiện bắt buộc (Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Người cai nghiện tự nguyện (Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
Tiền thuốc điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần	Theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp	Hỗ trợ 100%
Khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS)	Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết: hỗ trợ 100%. - Đối tượng khoản 2 Điều 3 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết: hỗ trợ 95%. - Đối tượng khoản 3 Điều 3 Nghị quyết: hỗ trợ 70%. - Đối tượng khoản 4 Điều 4 Nghị quyết: hỗ trợ 80%.
Tiền ăn	0.8 x Mức lương cơ sở /người/tháng	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng khoản 1 Điều 3, Nghị quyết: hỗ trợ 100%. - Đối tượng khoản 2 Điều 3 Nghị quyết: hỗ trợ 95%. - Đối tượng khoản 3 Điều 3 Nghị quyết: hỗ trợ 70%.
Tiền điện, nước sinh hoạt	80.000 đồng/người/tháng	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết hỗ trợ 100%.
Tiền mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân	0.9 x Mức lương cơ sở /người/năm	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng khoản 1 Điều 3, Nghị quyết: hỗ trợ 100%. - Đối tượng khoản 2 Điều 3 và Nghị quyết: hỗ trợ 95%. - Đối tượng khoản 3 Điều 3 Nghị quyết: hỗ trợ 70%.
Chỗ ở	Được đảm bảo	Đối tượng tại Điều 3 của Nghị quyết được hỗ trợ 100%.

Số: 195 /BC-STP

Cà Mau, ngày 04 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo nghị quyết Quy định mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Ngày 31/5/2019, Sở Tư pháp nhận Công văn số 913/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 30/5/2019 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thẩm định văn bản. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định văn bản dự thảo “Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau” (gọi tắt: Dự thảo Nghị quyết), cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Về phạm vi điều chỉnh

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Về đối tượng áp dụng

Dự thảo Nghị quyết mở rộng thêm một số nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách (*hộ cận nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn*) là chưa phù hợp với quy định.

2. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo

a) Tính hợp hiến: Dự thảo “*nghị quyết Quy định mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau*” nội dung văn bản dự thảo phù hợp với nội dung và tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

b) Tính hợp pháp: Văn bản dự thảo được xây dựng đúng thẩm quyền, quá trình dự thảo văn bản được thực hiện đảm bảo đúng nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

c) Tính thống nhất của hệ thống pháp luật: Văn bản dự thảo được xây dựng trên cơ sở quy định của hệ thống pháp luật, gồm: Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

d) Về tính khả thi của văn bản dự thảo

Nội dung dự thảo *Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau*, còn một số nội dung chưa đảm bảo tính khả thi, do nội dung quy định chưa rõ; có một số nội dung được giao quy định chi tiết nhưng chưa được thể hiện trong văn bản dự thảo. Một số nội dung, đối tượng, điều kiện trong văn bản dự thảo vượt phạm vi được thẩm quyền giao quy định chi tiết được nêu tại mục 3, Báo cáo thẩm định này.

3. Nội dung dự thảo

a) *Đối với dự thảo Tờ trình*: Sở Tư pháp thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình. Tuy nhiên, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nêu rõ mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo nghị quyết tại mục II của dự thảo Tờ trình.

b) *Đối với dự thảo Nghị quyết*:

- *Tại Điều 2*: Cần nghiên cứu hoàn thiện theo nội dung đã nêu tại điểm b, mục 1, Báo cáo thẩm định này.

- *Tại Điều 3*: Cơ quan chủ trì soạn thảo cần bám sát Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để quy định cho phù hợp, cần lưu ý một số nội dung sau:

+ *Thứ nhất*: Cơ quan chủ trì soạn thảo tách thành hai điều quy định về “mức hỗ trợ” và “mức đóng góp” cho dễ áp dụng.

+ *Thứ hai*: Cần giải trình làm rõ về cơ sở quy định các nội dung đóng góp và mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện. Đồng thời, làm rõ nhóm đối tượng ngoài quy định để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét.

+ *Thứ ba*: Cần giải trình làm rõ căn cứ quy định chi tiết thi hành các nội dung “*Mức hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt...*” tại điểm d khoản 1 Điều 3 của dự thảo văn bản. Nội dung quy định mức “*Chi phí học nghề ngắn hạn, chi phí mai táng được hỗ trợ 100% định mức*” tại điểm d khoản 1 Điều 3 văn bản dự thảo. Vì vượt ngoài nội dung được giao quy định chi tiết thi hành.

Đồng thời, rà soát đối với quy định này tại các khoản 2, khoản 3 Điều 3 dự thảo để nghiên cứu điều chỉnh cho chặt chẽ đảm bảo tính khả thi. Riêng đối với quy định hỗ trợ mai táng phí được quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/19/2013 về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội không giao quy định chi tiết thi hành.

+ *Thứ tư*: Nội dung dự thảo quy định chế độ đóng góp chi phí của người cai nghiện ma túy tự nguyện. Tuy nhiên, nội dung này đã quy định tại Điều 49 Nghị định 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ. Nay nội dung quy định này đã bị bãi bỏ bởi khoản 3, Điều 3, Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của chính phủ. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, xác định lại nội dung này.

+ *Thứ năm*: Tại điểm a, điểm c khoản 2 và điểm a, điểm c, khoản 3 Điều 3: Đề nghị giải trình rõ mức hỗ trợ về “*chỗ ở*”, vì cùng đối tượng nhưng mức hỗ trợ khác nhau.

+ *Thứ sáu*: Tại khoản 3 Điều 3: Văn bản dự thảo quy định: “*Các đối tượng ma túy tự nguyện khác... ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này...*” đã tạo ra điều khoản mở rộng không có trong quy định. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo cần quy định cụ thể nhóm đối tượng này, không quy định chung chung.

+ *Thứ bảy*: Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, giải trình toàn diện những nội dung Sở Tài chính đã góp ý (được nêu tại mục 2 Báo cáo số 166/BC-SLĐTBXH ngày 30/5/2019) vì có liên quan đến nội dung chi, mức chi và cân đối ngân sách địa phương.

- *Tại Điều 4*: Cơ quan chủ trì soạn thảo cần bám sát Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để quy định cho phù hợp, cần lưu ý một số nội dung sau:

+ Về đối tượng thụ hưởng: Cơ quan chủ trì soạn thảo cần giải trình rõ việc mở rộng đối tượng so với quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Về mức hỗ trợ: Cơ quan chủ trì soạn thảo cần giải trình rõ dự kiến số lượng, đối tượng, mức hỗ trợ để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cho phù hợp.

+ Tại điểm a, điểm c khoản 2 và điểm a điểm c khoản 3 Điều 4: Đề nghị giải trình rõ mức hỗ trợ về “*chỗ ở*”, vì cùng đối tượng nhưng mức hỗ trợ khác nhau.

+ Tại khoản 3 Điều 4: Văn bản dự thảo quy định: “*Các đối tượng ma túy tự nguyện khác... ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này...*”. Cơ quan chủ trì soạn thảo cần quy định cụ thể nhóm đối tượng này, không quy định chung chung.

+ Tại điểm b, khoản 3 Điều 4: Cơ quan soạn thảo giải trình, làm rõ cơ sở đưa ra quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng có mức hỗ trợ 80% cao hơn so với mức hỗ trợ quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 3 là 70%, để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- *Tại khoản 2, Điều 6*: Chuyển đoạn “*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa... và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ...*” thành dòng riêng cho phù hợp.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện quy trình rà soát đối với Quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh báo cáo kết quả rà soát kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh ban hành quyết định bãi bỏ đối với Quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh Cà Mau quy định mức đóng góp, chế độ miễn, giảm chi phí đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện

tại Cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Cà Mau khi “*Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau*” được thông qua.

4. Về ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo văn bản:

Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đúng theo quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Ý kiến của cơ quan thẩm định

Đối với văn bản dự thảo được thẩm định còn một số nội dung chưa đảm bảo tính thống nhất, có nhiều nội dung vượt giới hạn được giao quy định chi tiết. Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, làm rõ và điều chỉnh và giải trình đầy đủ những nội dung nêu tại báo cáo thẩm định này trước trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Cơ quan chủ trì soạn thảo cần cân nhắc thêm đối tượng “cai nghiện bắt buộc” theo Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để tham mưu ban hành văn bản cho phù hợp.

Sở Tư pháp gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội biết để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TB&XH;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, XD, KT&TDTHPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Người ký: Trần Hoàng Lộc
Email: locth.tuphap@camau.gov.vn
Cơ quan: Sở Tư Pháp, Tỉnh Cà Mau
Chức vụ: Phó Giám đốc
Thời gian ký: 05.06.2019 17:21:18
+07:00

Trần Hoàng Lộc

BÁO CÁO
Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư Pháp

Ngày 06/6/2019, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được báo cáo thẩm định số 195/BC-STP của Sở Tư pháp ngày 04/6/2019 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Qua nghiên cứu nội dung báo cáo thẩm định, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xin tiếp thu và giải trình như sau:

1. Nội dung tiếp thu

- Đối với dự thảo Tờ trình: Sở Tư pháp thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình. Tuy nhiên, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nêu rõ mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo nghị quyết tại mục II của dự thảo Tờ trình.

- Về Ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo văn bản: Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đúng theo quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Đối với dự thảo Nghị quyết:

+ Tại Điều 2: Cần nghiên cứu hoàn thiện theo nội dung đã nêu tại điểm b, mục 1, Báo cáo thẩm định này.

+ Rà soát đối với quy định này tại các khoản 2, khoản 3 Điều 3 dự thảo để nghiên cứu điều chỉnh cho chặt chẽ đảm bảo tính khả thi. Riêng đối với quy định hỗ trợ mai táng phí được quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội không giao quy định chi tiết thi hành.

+ Tại khoản 2, Điều 6: Chuyển đoạn “*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa... và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm...*” thành dòng riêng cho phù hợp.

+ Cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện quy trình rà soát đối với Quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh báo cáo kết quả rà soát kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh ban hành quyết định bãi bỏ đối với Quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh Cà Mau quy định mức đóng góp, chế độ miễn, giảm chi phí đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Cà Mau khi “*Nghị quyết quy định mức hỗ trợ và đóng*

góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau” được thông qua.

+ Tại điểm a, điểm c khoản 2 và điểm a, điểm c khoản 3 Điều 3: Đề nghị giải trình rõ mức hỗ trợ về “chỗ ở”, vì cùng đối tượng nhưng mức hỗ trợ khác nhau. Xin trình bày như sau: Do trong quá trình soạn thảo văn bản không cẩn thận dẫn đến lỗi kỹ thuật để thừa cụm từ “**chỗ ở**” tại điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 3 của Dự thảo Nghị quyết, nội dung này cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến và điều chỉnh lại.

- Đối với ý kiến của cơ quan thẩm định:

*Cơ quan soạn thảo cần cân nhắc thêm đối tượng “cai nghiện bắt buộc” theo Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để tham mưu ban hành văn bản cho phù hợp, qua nghiên cứu nội dung ý kiến của cơ quan thẩm định, cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến, bổ sung đối tượng cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng vào Dự thảo Nghị quyết, đồng thời điều chỉnh lại: **Tên Dự thảo Nghị quyết và Điều 4** của Dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với nội dung quy định.*

2. Nội dung giải trình

- *Về đối tượng áp dụng: Dự thảo Nghị quyết mở rộng thêm một số nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách (hộ cận nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn) là chưa phù hợp với quy định. Nội dung này xin giải trình như sau:*

+ Đối tượng áp dụng tại Điều 3 của Dự thảo nghị quyết được xây dựng căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định: **Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn** ngoài chế độ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 124/2018/TT-BTC.*

+ Đối tượng áp dụng tại Điều 4 của Dự thảo nghị quyết mở rộng đối tượng hưởng chế độ hỗ trợ được trình bày cụ thể tại nội dung giải trình ở Điều 4.

- *Về tính khả thi của văn bản dự thảo, Nội dung này giải trình như sau:*

+ Cơ quan soạn thảo văn bản đã bám sát từng phần các nội dung quy định theo Thông tư số 124/201/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đồng thời cụ thể các nội dung quy định vào trong Dự thảo Nghị quyết.

+ Đối với ý kiến về một số nội dung được giao quy định chi tiết chưa được làm rõ trong Dự thảo, xin giải trình như sau: Về chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) chỉ điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường được thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 124/201/TT-BTC

ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện theo chi phí phát sinh thực tế, theo chỉ định của Y, bác sĩ ngoài ra còn tùy thuộc vào thể trạng của từng người nghiện, đối với mỗi trường hợp người nghiện sẽ tương ứng với phát đồ điều trị khác nhau vì thế số tiền điều trị cũng sẽ khác nhau. Do đó cơ quan soạn thảo quyết định áp dụng định mức phần trăm để quy định.

+ Đối với nội dung mở rộng đối tượng hơn so với quy định được giao, như đã trình bày ở nội dung đối tượng áp dụng. Ngoài ra, trước đây UBND tỉnh Cà Mau có công văn hỗ trợ 100% kinh phí cho người cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh đã được thực hiện qua Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND.

- Về nội dung dự thảo:

+ Thứ nhất: Cơ quan chủ trì soạn thảo tách thành hai điều quy định về “mức hỗ trợ” và “mức đóng góp” cho dễ áp dụng, nội dung này xin trình bày như sau: các nội dung đóng góp và các mức hỗ trợ phải được thực hiện liên tục và thống nhất, cũng như đã trình bày ở phần nội dung chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) chi điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường, đối với mỗi trường hợp người nghiện sẽ tương ứng với phát đồ điều trị khác nhau vì thế số tiền điều trị cũng sẽ khác nhau, như vậy việc tách riêng thành hai điều khác nhau cơ quan soạn thảo rất khó trình bày.

+ Thứ hai: Cần giải trình làm rõ căn cứ quy định nội dung mức đóng góp, đối tượng ngoài quy định, xin giải trình như sau:

Căn cứ vào Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 117/2017/TT-BTC và Nghị định 136/2016/NĐ-CP. Đối với các đối tượng ngoài quy định cơ quan soạn thảo đã trình bày căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định: **Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn** ngoài chế độ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 124/2018/TT-BTC.*

Ngoài ra, theo quan điểm của cơ quan soạn thảo văn bản nếu như trước đây đã có chính sách hỗ trợ tại Quyết định 06/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh thì nay ban hành văn bản khác cũng quy định về chế độ chính sách hỗ trợ cho cùng một đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện cần có chế độ hỗ trợ ở mức cao hơn hoặc bằng mức chính sách được hưởng trước đây, bên cạnh đó việc mở rộng đối tượng cai nghiện tự nguyện được hưởng chính sách cũng nhằm giảm bớt đối tượng nghiện trên địa bàn tỉnh.

+ Thứ ba: Giải trình làm rõ căn cứ quy định Mức hỗ trợ tiền điện, nước, chi phí học nghề. Nội dung này xin giải trình như sau:

Căn cứ vào Quyết định 06/2018/QĐ-UBND đang còn hiệu lực thi hành và Thông tư 117/2017/TT-BTC và Nghị định 136/2016/NĐ-CP. Riêng đối với chi phí học nghề cho học viên cai nghiện ma túy tự nguyện là rất cần thiết việc được học nghề giúp người nghiện sau khi tái hòa nhập cộng đồng hạn chế việc tái nghiện. Ngoài ra theo quan điểm của cơ quan soạn thảo cùng là đối tượng cai nghiện ma túy tại Cơ sở thì cần có chế độ phù hợp để các đối tượng cai nghiện kể cả bắt buộc và tự nguyện thể hiện tinh thần đoàn, kết gắn bó cùng nhau cai nghiện thành công. Bên cạnh đó, phần lớn người nghiện ma túy là không có nghề nghiệp ổn định nếu tạo được nghề cho họ khi tái hòa nhập cộng đồng sẽ giảm tỉ lệ tái nghiện xuống thấp. Việc dạy nghề cho người cai nghiện cũng tạo được nguồn thu nhập cho Cơ sở, tạo được nghề cho đối tượng, thông qua đó đánh giá được thái độ chấp hành của học viên đối với việc cai nghiện của họ, giúp họ rèn luyện sức khỏe và sống tích cực hơn. Trên thực tế đó cũng chính là cơ hội tạo lực lượng lao động cho xã hội sau khi về tái hòa nhập cộng đồng.

+ Thứ tư: Đối với nội dung quy định chế độ đóng góp chi phí của người cai nghiện ma túy tự nguyện đã bị bãi bỏ bởi khoản 3, Điều 3, Nghị định số 80/2018/NĐ-CP đề nghị rà soát xác định lại nội dung này. Về vấn đề này xin giải trình như sau:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện quy định *Nguồn đóng góp của người cai nghiện ma túy (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy) theo mức đóng góp cụ thể do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.* Ngoài ra, tại công văn 1708/UBND-NC ngày 15/3/2019 UBND tỉnh giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng nghị quyết để thực hiện khoản 2 Điều 3 Thông tư 124/2018/TT-BTC.

+ Thứ sáu: Cần giải trình quy định cụ thể nhóm đối tượng khác ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Dự thảo, nội dung này xin giải trình như sau:

Các đối tượng khác ngoài các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Dự thảo, nghĩa là cơ quan soạn thảo đã sử dụng phương pháp loại trừ bằng cách quy định các đối tượng còn lại ngoài đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật.

+ Thứ bảy: Cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, giải trình toàn diện ý kiến của Sở Tài chính, nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và giải trình ý kiến đóng góp của Sở Tài chính tại Báo cáo số 166/BC-SLĐTBXH ngày 30/5/2019 cụ thể như sau:

- Đối với nội dung đề nghị nêu rõ *định mức hỗ trợ bằng chi phí áp dụng đối với người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy* áp dụng định mức theo quy định tại văn bản nào, cơ quan soạn thảo Dự thảo Nghị quyết giải trình như sau:

Định mức quy định chi phí áp dụng đối với người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện bởi nhiều văn bản như: **Nghị định số 221/2013/NĐ-CP** ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, **Nghị định số 136/2016/NĐ-CP** ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, **Thông tư số 117/2017/TT-BTC** ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

+ Đối với tiền ăn cho người cai nghiện ma túy bắt buộc quy định tại **khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP**; như vậy nếu người cai nghiện bắt buộc được hỗ trợ 0.8 mức lương cơ sở/người/tháng thì người cai nghiện tự nguyện tại Điều 3 Dự thảo Nghị quyết thuộc các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hưởng 100% định mức về tiền ăn, có nghĩa rằng các đối tượng này cũng được hưởng 0.8 mức lương cơ sở/người/tháng như người cai nghiện bắt buộc.

+ Đối với tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cho người cai nghiện ma túy bắt buộc quy định tại **khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP**; tương tự như vậy thế người cai nghiện bắt buộc được hỗ trợ 0.9 mức lương cơ sở/người/năm thì người cai nghiện tự nguyện tại Điều 3 Dự thảo Nghị quyết không thuộc các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật, gia đình đơn thân có cha hoặc mẹ từ 60 trở lên thì sẽ được hưởng 70% mức áp dụng của người cai nghiện bắt buộc.

- Về góp ý nội dung tại điểm a, b của khoản 2 Điều 3 có sự chòng chéo về đối tượng áp dụng, đề nghị rà soát lại đối tượng áp dụng mức hỗ trợ tại điểm b khoản 2 điều này, về nội dung này xin giải trình như sau:

+ Tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Dự thảo nghị quyết quy định các đối tượng áp dụng là người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; còn đối tượng áp dụng tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Dự thảo Nghị

quyết là các đối tượng còn lại ngoài quy định trên, cơ quan soạn thảo đã sử dụng phương pháp loại trừ để quy định cho đối tượng này, do đó hai nhóm đối tượng áp dụng này không có sự chồng chéo.

- Tại Điều 4 của Dự thảo Nghị quyết:

+ Về đối tượng thụ hưởng cơ quan soạn thảo cần giải trình làm rõ việc mở rộng đối tượng, về nội dung này xin giải trình như sau: Như đã trình bày đối với việc mở rộng đối tượng hơn so với quy định được giao, do trước đây UBND tỉnh Cà Mau có công văn hỗ trợ 100% kinh phí cho người cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh đã được thực hiện qua Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND, do đó để thực hiện được chính sách này góp phần làm giảm đối tượng cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy, giảm đối tượng nghiện trên địa bàn, tăng trách nhiệm của gia đình và cộng đồng đối với người nghiện, tránh tình trạng dồn người nghiện về cơ sở cai nghiện ma túy, gây quá tải cho Cơ sở. Mặt khác theo thống kê trên địa bàn tỉnh hiện đang quản lý 1334 hồ sơ người nghiện theo đó trong tương lai Cơ sở cai nghiện ma túy cần được mở rộng để đáp ứng tình hình, vì vậy dự đoán nguồn ngân sách nhà nước sẽ phải chi rất nhiều cho các cơ sở cai nghiện ma túy, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cả nguồn lực... Như vậy việc thực hiện chính sách cho các đối tượng cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng là một giải pháp hiệu quả cho vấn đề này. Qua đó, nâng cao trách nhiệm, vai trò quản lý của gia đình người nghiện, tạo được chế độ chính sách phù hợp cho người nghiện ma túy cai nghiện.

+ Về nội dung giải trình dự kiến số lượng, đối tượng, mức hỗ trợ để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Nội dung này xin giải trình như sau: Hiện nay trên địa bàn tỉnh theo thống kê có 1334 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý, trong đó Cơ sở cai nghiện ma túy là 560 người, đối với nội dung đối tượng hỗ trợ đã trình bày ở trên, về mức hỗ trợ căn cứ theo quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Tại điểm a, điểm c khoản 2 và điểm a, điểm c khoản 3 Điều 4: Đề nghị giải trình rõ mức hỗ trợ về chỗ ở, về nội dung này tại Điều 4 của Dự thảo Nghị quyết không có quy định này.

+ Tại khoản 3 Điều 4: Cần quy định cụ thể đối tượng khác ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Dự thảo, nội dung này xin giải trình: Các đối tượng khác ngoài các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Dự thảo, nghĩa là cơ quan soạn thảo đã sử dụng phương pháp loại trừ bằng cách quy định các đối tượng còn lại ngoài đối tượng cai nghiện ma túy thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật.

+ Đối với quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 4 quy định hỗ trợ mức 80% cao hơn so với quy định được giao, nội dung này cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau: Căn cứ vào điều 7 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, theo đó thẩm quyền được giao có thể

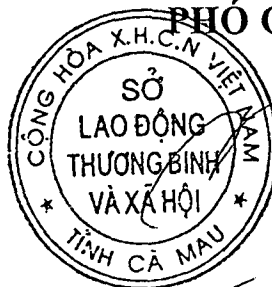
quyết định mức hỗ trợ cao hơn mức quy định; ngoài ra việc áp dụng mức cao hơn mức quy định là do xét về điều kiện kinh tế hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Cà Mau đang ở mức sống trung bình, do đó để tạo cơ hội cho các đối tượng nghèo trong đó có các đối tượng mới nghèo lần đầu mạnh dạn cai nghèo, từ những lý do đó cơ quan soạn thảo quyết định hỗ trợ với mức hỗ trợ là 80%.

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội kính báo đến Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- GD, PGD Thu Tư;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thu Tư

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết quy định mức đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Thực hiện Công văn số 2919/UBND-NC ngày 02/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc xây dựng Nghị quyết quy định mức đóng góp và chế độ hỗ trợ chi phí đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã xây dựng Dự thảo Nghị quyết gửi các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố Cà Mau và đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Cà Mau xin ý kiến đóng góp.

Đến nay Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp nhận được 12 ý kiến đóng góp bằng văn bản (Công an tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tỉnh đoàn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Tư pháp; UBND huyện Đầm Dơi, Năm Căn, Trần Văn Thời, Thới Bình và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Ngọc Hiển) và 01 ý kiến đóng góp trực tiếp thông qua buổi làm việc với Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.

Đa số các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến đều thống nhất với nội dung Dự thảo Nghị quyết, trong đó có 03 cơ quan, đơn vị đóng góp cho nội dung dự thảo Nghị quyết như sau:

1. Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh

1.1 Nội dung tiếp thu

- Về bố cục Dự thảo Nghị quyết đề nghị tách riêng hai nhóm đối tượng cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy và đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng thành hai điều riêng biệt.

- Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng đề nghị không điều chỉnh và áp dụng đối với cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập.

- Về các khoản hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện đề nghị quy định cụ thể để dễ thực hiện.

Đối với các nội dung trên, cơ quan soạn thảo Dự thảo Nghị quyết xin tiếp thu ý kiến.

1.2 Nội dung giải trình

Riêng đối với nội dung quy định *mức hỗ trợ chỗ ở theo định mức phân trăm* về nội dung này, cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:

Đối với học viên cai nghiện ma túy bắt buộc đã được đảm bảo về chỗ ở trong thời gian cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy theo quy định tại **Nghị định số 221/2013/NĐ-CP** ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, còn đối với người nghiện ma túy đã tự nguyện đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện thì phải đóng góp chi phí về chỗ ở, vì vậy để khuyến khích, động viên người nghiện ma túy tự nguyện đi cai cần đảm bảo về chỗ ở cho họ. Bên cạnh đó mục chi về chỗ ở cho học viên cai nghiện ma túy chưa có cơ sở pháp lý quy định cụ thể về mức đóng góp nên không có căn cứ để quy định được mức mà người cai nghiện ma túy tự nguyện phải đóng để được bố trí chỗ ở trong thời gian cai nghiện, do đó cơ quan soạn thảo Dự thảo Nghị quyết áp dụng hỗ trợ đảm bảo về chỗ ở cho người cai nghiện ma túy tự nguyện như học viên cai nghiện ma túy bắt buộc.

2. Sở Tài chính

2.1 Nội dung tiếp thu

Tại Điều 4 của Dự thảo Nghị quyết đề nghị bổ sung như sau: “*Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ, do ngân sách nhà nước đảm bảo trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*”, về nội dung này cơ quan soạn thảo Dự thảo Nghị quyết xin tiếp thu.

2.2. Nội dung giải trình

- Đối với nội dung đề nghị nêu rõ *định mức hỗ trợ bằng chi phí áp dụng đối với người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy* áp dụng định mức theo quy định tại văn bản nào, cơ quan soạn thảo Dự thảo Nghị quyết giải trình như sau:

Định mức quy định chi phí áp dụng đối với người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện bởi nhiều văn bản như: **Nghị định số 221/2013/NĐ-CP** ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, **Nghị định số 136/2016/NĐ-CP** ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, **Thông tư số 117/2017/TT-BTC** ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa

vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng...ví dụ như:

+ *Chi phí điều trị đối với học viên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện bắt buộc: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, như vậy, nếu người cai nghiện ma túy tự nguyện thuộc trường hợp bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì cũng được hỗ trợ chi phí như người cai nghiện bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.*

+ *Tiền ăn, tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP; Các chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 117/2017/TT-BTC. Tương tự như thế thì chế độ hỗ trợ cho người cai nghiện tự nguyện áp dụng định mức bằng với định mức áp dụng cho người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.*

Do đó, cơ quan soạn thảo Dự thảo Nghị quyết không nêu cụ thể các cơ sở pháp lý quy định mức chi phí áp dụng cho người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vào trong Nghị quyết.

- Về góp ý nội dung tại điểm a, b của khoản 2 Điều 3 có sự chồng chéo về đối tượng áp dụng, đề nghị rà soát lại đối tượng áp dụng mức hỗ trợ tại điểm b khoản 2 điều này, về nội dung này xin giải trình như sau:

+ Tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Dự thảo nghị quyết quy định các đối tượng áp dụng là người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình đơn thân có cha hoặc mẹ từ 60 tuổi trở lên; còn đối tượng áp dụng tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Dự thảo Nghị quyết là các đối tượng còn lại ngoài quy định trên, do đó hai nhóm đối tượng áp dụng này không có sự chồng chéo, tuy nhiên do cơ quan soạn trình bày chưa chặt chẽ để thiếu nội dung **ngoài đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Dự thảo** đã gây sự khó hiểu về quy định của văn bản. Về việc này cơ quan soạn thảo sẽ nghiên cứu bổ sung để việc trình bày được chặt chẽ, logic và dễ hiểu hơn.

3. Sở Tư pháp

3.1 Nội dung tiếp thu

- Về thể thức kỹ thuật trình bày: Cơ quan chủ trì soạn thảo cần rà soát, chỉnh sửa lại thể thức kỹ thuật trình bày theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Về nội dung dự thảo Nghị quyết:

+ Về căn cứ pháp lý: Cần rà soát, loại bỏ những văn bản không liên quan trực tiếp đến nội dung dự thảo cho phù hợp với khoản 1, Điều 61 Nghị định số 34/201/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Về tên gọi của văn bản dự thảo: Cơ quan chủ trì soạn thảo cần bám sát theo nội dung được giao tại Công văn số 92/HĐND-TT ngày 23/4/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Về phạm vi điều chỉnh: Đề nghị xác định lại vấn đề điều chỉnh cả các cơ cai nghiện ma túy ngoài công lập.

+ Tại khoản 3 quy định nội dung *Giám đốc cơ sở cai nghiện ma túy đề nghị Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xem xét hỗ trợ...* Tuy nhiên, thẩm quyền quyết định mức hỗ trợ là của HĐND tỉnh, do đó cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện lại cho phù hợp với thẩm quyền quy định.

+ Tại khoản 4 quy định một số giải pháp xác minh thông tin đối tượng cai nghiện. Nội dung này là nằm ngoài phạm vi được giao quy định chi tiết thi hành, do đó cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện lại cho phù hợp với thẩm quyền quy định.

Cơ quan soạn thảo Dự thảo Nghị quyết tiếp thu các nội dung trên.

3.2. Nội dung giải trình

- Về đối tượng thụ hưởng: Cơ quan chủ trì soạn thảo cần giải trình rõ việc mở rộng đối tượng so với quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, nội dung này xin giải trình như sau:

Các đối tượng được mở rộng hơn so với các đối tượng quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bao gồm: Người cai nghiện ma túy tự nguyện thuộc diện gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ cận nghèo, gia đình neo đơn có cha hoặc mẹ từ 60 tuổi trở lên. Khi trong gia đình của các nhóm đối tượng này có người nghiện ma túy sẽ dẫn đến suy giảm năng lao động, nếu là nguồn lao động chính cho gia đình sẽ mất đi nguồn thu nhập không đảm bảo được cuộc sống. Vì vậy cần có chính sách và chế độ hỗ trợ cho nhóm đối tượng này để tạo điều kiện thuận lợi cho họ cai nghiện ma túy, phục hồi sức khỏe và khả năng lao động, đảm bảo được cuộc sống đồng thời giảm bớt gánh nặng cho xã hội.

- Giải trình làm rõ dựa trên cơ sở nào quy định nào để xác định các nội dung và mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện, đồng thời xin ý kiến của cơ quan Tài chính để cân đối ngân sách địa phương. Vì đây cũng là cơ sở tính toán chi phí hỗ trợ dự trên điều kiện về ngân sách địa phương, cơ quan soạn thảo giải trình như sau:

+ Cơ sở để xác định các nội dung và mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện dựa vào các quy định của Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế trong việc quản lý đối tượng cai nghiện ma túy và những đặc thù về địa lý của địa phương.

+ Cơ quan soạn thảo Dự thảo Nghị quyết đã xin ý kiến Sở Tài chính và được trả lời tại Công văn số 1497/STC-HCSN ngày 23/5/2019, về nội dung này cơ quan soạn thảo đã giải trình như trên.

- Ngoài ra, cơ quan chủ trì soạn thảo cần rà soát các nội dung được giao tại khoản 2 Điều 8, Điều 9 và khoản 2 Điều 10 Thông tư 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đề nghị nghiên cứu, đề xuất bổ sung nội dung quy định mức đóng góp, chế độ hỗ trợ, chế độ miễn giảm cho đối tượng “người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng, nội dung này cơ quan soạn thảo dự thảo Nghị quyết giải trình như sau:

+ Về căn cứ pháp lý ban hành Dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo căn cứ vào văn bản (Thông tư số 124/2018/TT-BTC) liên quan trực tiếp đến nội dung dự thảo cho phù hợp với nội dung được giao tại Công văn số 2919/UBND-NC ngày 02/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc xây dựng Nghị quyết quy định mức đóng góp và chế độ hỗ trợ chi phí đối với *người cai nghiện ma túy tự nguyện* trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

+ Về đối tượng áp dụng: Dự thảo Nghị quyết này quy định áp dụng cho người cai nghiện ma túy tự nguyện, không áp dụng cho đối tượng cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp về dự thảo Nghị quyết quy định mức đóng góp và chế độ hỗ trợ chi phí đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận: *Thống*
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tư Pháp (thẩm định);
- GD, PGD Thu Tư;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thu Tư